TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 01 - 2025.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Thạch;

Ông Lê Hoàng Điệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị Si Mon T; Cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Ngọc Đ; Cư trú tại: Ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị Si Mon T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Si Mon T và anh Đoàn Ngọc Đ có tổ chức lễ cưới năm 2001 và đăng ký kết hôn quá hạn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 17/5/2011. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 03 (Ba) người con

chung tên Đoàn Quân Đ1, sinh ngày 02/4/2002; Đoàn Mộng T1, sinh ngày 30/5/2004 và Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009, hiện tại các con đang sống chung với chị T và anh Đ.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận.

Về nợ chung: Không có.

Chị Lý Thị Si Mon T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị Si Mon T yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Ngọc Đ.

- Về con chung: Đối với 02 (Hai) con chung tên Đoàn Quân Đ1, sinh ngày 02/4/2002 và Đoàn Mộng T1, sinh ngày 30/5/2004 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009 chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đoàn Ngọc Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 (Hai) lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T và anh Đ chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nên anh chị không còn chung sống cho đến nay; Về con chung tên Đoàn Quân Đ1, sinh ngày 02/4/2002 và Đoàn Mộng T1, sinh ngày 30/5/2004 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với con chung tên Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009 chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tiếp tục giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng,

chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Si Mon T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết qủa tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn chị Lý Thị Si M Tha để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng nguyên đơn chị Lý Thị Si Mon T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn chị Lý Thị Si M Tha không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lý Thị Si Mon T.

- Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn anh Đoàn Ngọc Đ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Đoàn Ngọc Đ vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đoàn Ngọc Đ.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lý Thị Si Mon T và anh Đoàn Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 127; Quyển số: 01/2011 ngày 17 tháng 5 năm 2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị T và anh Đ chung sống với nhau có 03 (Ba) người con chung. Tuy nhiên, chị T và anh Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, hiện tại anh chị không còn chung sống với nhau. Tòa án đã triệu tập chị T và anh Đ để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh Đ cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, cho thấy anh Đ

không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh Đ có 03 (Ba) người con chung tên Đoàn Quân Đ1, sinh ngày 02/4/2002; Đoàn Mộng T1, sinh ngày 30/5/2004 và Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009, hiện tại các cháu đang sống chung với chị T và anh Đ. Xét thấy, hai cháu Đoàn Quân Đ1, sinh ngày 02/4/2002 và Đoàn Mộng T1, sinh ngày 30/5/2004 đủ 18 (Mười tám) tuổi, có khả năng lao động chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với con chung Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009. Tòa án có ghi ý kiến cháu Đ2 cháu có nguyện vọng sống chung với chị T, từ khi sinh ra cháu Đ2 sống chung với chị T, chị T chăm sóc nuôi dưỡng, nên về mặt tình cảm thì cháu Đ2 gắn bó và yêu mến chị T nhiều hơn anh Đ, điều kiện chăm sóc của chị T thuận lợi hơn anh Đ, nhằm ổn định cuộc sống cho cháu Đ2 phát triển về mặt vật chất cũng như tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử Quyết định tiếp tục giao con chung Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở..."* anh Đ không trực tiếp nuôi con nên anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".* Lẽ ra, anh Đ là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng chị T có khả năng nuôi con không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Chị T xác định là không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[10] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 2, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lý Thị Si Mon T và anh Đoàn Ngọc Đ.

2. Về con chung: Đoàn Quân Đ1, sinh ngày 02/4/2002; Đoàn Mộng T1, sinh ngày 30/5/2004 đã trưởng thành, có khả năng lao động không yêu cầu nên không xem xét. Tiếp tục giao con chung tên Đoàn Ngọc Đ2, sinh ngày 28/8/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lý Thị Si M Tha được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung

năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh